TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN
Bản án số:08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2019.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hà Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hoàng – Bà Vũ Thị Minh Huệ

Thư ký phiên toà:Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã La Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết A**, sinh năm 1979;
- Bị đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, phường T A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã La Gi, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Tuyết A trình bày:***

Chị và anh Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2007, tại Ủy ban nhân dân phường T A, thị xã La Gi, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hônsố 41/07, quyển số 01 ngày 14/5/2007. Quá trình chung sống, anh chị không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không quan tâm đến gia đình, đi làm không đóng góp chi phí nuôi con mà

thường xuyên ăn nhậu và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.Từ tháng 9/2017, vợ chồng mâu thuẫn gay gắt, chị cùng 2 con về ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Quá trình ly thân, cả hai không liên lạc với nhau, anh Đ cũng không thăm nom và thực hiện nghĩa vụ tài chính với các con. Nhận thấy tình cảm đối với anh Đ không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung, gồm: Phạm Nguyễn Thành V, sinh ngày 20/10/2008 và Phạm Nguyễn Thanh N, sinh ngày 14/8/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/02 con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị A rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện nêu trên.

**** Đối với bị đơn – anh Phạm Văn Đ:***

Quá trình giải quyết vụ án,Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Đ nhưng anh Đ không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa.

Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt không có lý do.

Qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn chung sống với nhau.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết A, chị A được ly hôn anh Phạm Văn Đ. Giao 02 con chung Phạm Nguyễn Thành V, và Phạm Nguyễn Thanh N cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị A không yêu cầu nên cần đình chỉ giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng*: tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết A. Bị đơn Phạm Văn Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Đ không có mặt để giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên việc vắng mặt này của anh Đ được coi là anh từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Tuyết A và anh Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 14/5/2007 tại Ủy ban nhân dân phường T A, thị xã La Gi nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc, theo chị A trình bày thì nguyên nhân là do anh Đ sống thiếu trách nhiệm, không đóng góp lo chi phí gia đình mà còn thường xuyên nhậu nhẹt, có mối quan hệ với người phụ nữ khác làm cho vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cải vã khiến tình cảm giữa vợ chồng ngày càng phai nhạt nên anh chị đã tự ly thân từ tháng 9/2017 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ không chấp hành, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi đến Tòa. Điều này chứng tỏ anh Đ không có thiện chí giữ gìn quan hệ hôn nhân và anh chị không có giải pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Tuyết A được ly hôn anh Phạm Văn Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Xét yêu cầu nuôi 02 con chung của chị Nguyễn Thị Tuyết A, Hội đồng xét xử nhận thấy:Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Hiện, cả hai cháu còn nhỏ, cần được sự nuôi dưỡng, chăm sóc của mẹ. Bản thân chịcó việc làm, có thu nhập, trong thời gian vợ chồng ly thân, chị A vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên quá trình giải quyết vụ án cả hai cháu V, N đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Hơn nữa, dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Đ không có ý kiến phản hồi nào đến Tòa. Điều này chứng tỏ anh từ bỏ quyền lợi của mình đối với tất cả yêu cầu khởi kiện của chị A, trong đó có vấn đề con chung.Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị Tuyết A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Phạm Nguyễn Thành V, sinh ngày 20/10/2008 và Phạm Nguyễn Thanh N, sinh ngày 14/8/2011, là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] **Về cấp dưỡng nuôi con**: Quá trình giải quyết vụ án, chị A rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, cụ thể là không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị A là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147,Điều 227, Điều 228,Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- CácĐiều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Tuyết A được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung gồm: Phạm Nguyễn Thành V (giới tính: Nam), sinh ngày 20/10/2008 và Phạm Nguyễn Thanh N (giới tính: Nữ), sinh ngày 14/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Tuyết A trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu khởi kiên của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021984 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, Chị Nguyễn Thị Tuyết A đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản ántrong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơnđược quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN VŨ HÀ LINH

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.